

Bản án số: 16/2018/HS-ST
Ngày: 07-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Sơn Tùng;

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2018, đối với bị cáo:

T (còn có tên là T1), sinh năm 1989, tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông T2 (đã chết) và bà N; vợ, con: chưa có; tiền án: chưa có; tiền sự: 01 lần (Công an xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 58/QĐ-XPVPHC ngày 22 tháng 8 năm 2017 về hành vi “trộm cắp tài sản”, hình thức phạt tiền 1.500.000đ, đến nay chưa nộp phạt.); nhân thân: chỉ có 01 tiền sự vừa nêu; bị bắt, tạm giữ ngày 02 tháng 6 năm 2018, tạm giam ngày 05 tháng 6 năm 2018; có mặt.

- Bị hại: T3, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2002; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Người đại diện theo pháp luật:

1/- C, sinh năm 1979, là cha; vắng mặt.

2/- M, sinh năm 1982, là mẹ; có mặt.

Cùng nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà M là người đại diện theo ủy quyền của ông C (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 3 năm 2018).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại*: Bà T4 là luật sư của Văn phòng luật sư T4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Người làm chứng*: H, P, D, P1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 11 tháng 02 năm 2018, T, D, P và T3 cùng uống rượu tại khu đất trống phía sau tiệm Game D thuộc ấp L, xã L. Khoảng 01 giờ sau, T3 say rượu nên D và P đưa đến võng gần đó nằm nghỉ. T nhìn thấy cái bóp màu đen của T3 để ở túi quần sau bị lòi ra nên nảy sinh ý định lấy trộm. Sau đó, D, T và P đi về nhà. Đến 16 giờ cùng ngày, T quay lại lấy cái bóp của T3 ra, kiểm tra bên trong có số tiền 4.300.000đ. T lấy tiền để vào túi quần của mình và nhét cái bóp lại túi quần của T3. Trộm được tiền, T nhờ em gái tên H chở đến tiệm mua bán xe gắn máy cũ của anh P1 ở thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, mua một chiếc xe mô tô màu xanh hiệu Fervor, biển kiểm soát 67M4-XXXX với giá 4.000.000đ, số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân. Khoảng 18 giờ cùng ngày T3 phát hiện số tiền 4.300.000đ bị mất trộm nên trình báo Công an xã L. Công an mời T đến làm việc. T thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Sau đó, T bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 02 tháng 6 năm 2018, bị bắt theo Quyết định truy nã.

Vật chứng thu giữ:

- Một xe mô tô biển kiểm soát 67M4-XXXX (đã qua sử dụng) và Giấy đăng ký xe do S đứng tên. Anh S bán cho anh P1 chưa sang tên. Anh P1 bán lại T. Đây là tài sản mà anh P1 đã bán cho T nhưng không biết số tiền T mua xe là do trộm mà có nên Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho anh P1.

- Tiền Việt Nam 4.000.000đ, do anh P1 trả lại tiền bán xe, là số tiền T trộm của T3, nên Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho T3.

Bị hại T3 và đại diện hợp pháp có đơn không yêu cầu T bồi thường số tiền 300.000đ và không yêu cầu bồi thường thiệt hại về phần dân sự.

Tại Cáo trạng truy tố số 13/CT-VKSHN ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo T từ 06 đến 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Vật chứng: Đã xử lý xong. Về dân sự: Không có yêu cầu.

Bị cáo T thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên không có tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo trình bày: Bị cáo đã biết ăn năn hối lỗi, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại T3 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, Luật sư T4: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Viện kiểm sát truy tố là phù hợp pháp luật nên thống nhất theo Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Về dân sự, bị hại không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[2] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; có hành vi cố ý trực tiếp, trộm cắp tài sản là tiền mặt 4.300.000đ của bị hại T3. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Khoản 1 Điều 173 BLHS, quy định: “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 2.000.000đ nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[4] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

[6] Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm, gây thiệt hại về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật, nên phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[7] Mục đích của hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm; làm cho tình hình an ninh trật tự ở địa phương ngày càng được cải thiện theo hướng tích cực, nhân dân an tâm lao động, sinh sống.

[8] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[9] Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền sự.

[10] Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người làm thuê, không biết chữ nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, áp dụng các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo và quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[12] Về vật chứng: Đã xử lý xong, không đề cập đến.

[13] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[14] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo T phạm “Tội trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo T 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 6 năm 2018.
3. Về án phí: Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại, người đại diện của bị hại có quyền kháng cáo bản án; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại dưới 18 tuổi có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bị hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07 tháng 8 năm 2018).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo;
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú